

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HS-PT

Ngày: 03/3/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Văn Lê

2. Ông Phạm Viết Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2021/HS-PT ngày 06/01/2021 đối với bị cáo Nguyễn Phúc Kim A theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 617/2021/QĐXXPT-HS ngày 04/02/2021, do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận K đối với bản án sơ thẩm số 228/2020/HS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo, có kháng nghị:

Họ và tên: **Nguyễn Phúc Kim A**; giới tính: nam; sinh năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Phòng 308, nhà số 25, đường số G, khu phố D, phường E, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 08/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Phúc Kim L và bà Lê Thị M; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giam: 03/7/2020;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 40 phút ngày 03/7/2020, Tổ tuần tra của Công an phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân tiến hành kiểm tra Phòng 308, nhà số 25 đường số G, khu phố D, phường E, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi ở của Nguyễn Phúc Kim A. Tại thời điểm kiểm tra, có mặt A, Trần Văn Tài và Võ Ngọc Thủy O. Kết quả kiểm tra, phát hiện và thu giữ một số đồ vật như sau:

- Trên nền nhà 01 đĩa sứ màu trắng, trên đĩa có một ít chất bột màu trắng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đ được cuộn tròn, 01 tấm thẻ nhựa màu xám;
- Trong ngăn tủ phía trên cùng bên phải 01 gói nylon bên trong có 03 gói nylon chứa chất bột màu trắng, A khai nhận là ma túy;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số sim 0931.543.304 (điện thoại của bị cáo);

Lực lượng công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận K để xử lý.

Căn cứ Kết luận giám định số 1144/KLGD-H ngày 10/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an Thành phố Chí Minh, xác định được như sau:

- Bột màu trắng thu giữ trong đĩa sứ (đã đề cập ở phần trên) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2909g, loại Ketamine;
- Bột màu trắng trong 03 gói nylon (đã đề cập ở phần trên) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,1719g, loại Ketamine.

Trong quá trình điều tra,

Nguyễn Phúc Kim A khai: Do nghiện ma túy nên vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 02/7/2020, A đến khu vực đường Số 3, phường Bình Hưng Hòa B, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh mua 01 gói ma túy của một người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 5.000.000đ mang về nơi ở để sử dụng. A lấy một phần để sử dụng và cất 03 gói vào hộc tủ thì bị công an kiểm tra phát hiện và thu giữ. O là người sống chung như vợ chồng với A từ khoảng tháng 11/2019, còn P là bạn tới chơi vào ngày 02/7/2020. O và P không biết A tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy.

O và P khai phù hợp với lời khai của A.

Tại bản Cáo trạng số 249/CT-VKS ngày 06/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố bị cáo Nguyễn Phúc Kim A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 228/2020/HS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc Kim A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc Kim A 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận K ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS ngày 07/12/2020, kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung như sau: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 3 năm 6 tháng tù là quá nghiêm khắc, chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, chưa thể hiện được chính sách khoan hồng đối với người phạm tội. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 07/12/2020, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo. Mức án mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng nghị, kháng cáo như sau: Nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận K và kháng cáo của bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; xử phạt bị cáo từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Căn cứ lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Phúc Kim A (bị cáo) tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng: Vì nghiện ma túy nên bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng cho bản thân. Vào lúc 00 giờ 40 phút ngày 03/7/2020, khi lực lượng Công an tiến hành kiểm tra nơi ở của bị cáo tại Phòng 308, nhà số 25 đường số G, khu phố D, phường E, quận K, Thành phố

Hồ Chí Minh thì phát hiện bị cáo tàng trữ trái phép 4,4628g ma túy ở thể rắn, loại Ketamine.

[2].Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống ma túy và Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ thì Ketamine là chất ma túy. Ma túy (nói chung) là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về tài sản của gia đình, xã hội mà còn gây tổn hại đến sức khỏe, thậm chí là tính mạng của người sử dụng. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị rối loạn nhân cách, không làm chủ được hành vi, là nguyên nhân dẫn tới nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Chính vì vậy, Nhà nước ta đã nghiêm cấm việc sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng do muốn thỏa mãn ham muốn sai trái của bản thân nên vẫn cố ý vi phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

[3].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã vừa nêu là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

[4].Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Trong vụ án này, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 4,4628g ma túy ở thể rắn, loại Ketamine. Đây là khối lượng ma túy nhỏ so với khối lượng ma túy được quy định là tình tiết định khung hình phạt theo điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có 2 tình tiết giảm nhẹ như đã được đề cập ở mục [3]; mặt khác, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là từ 1 đến 5 năm tù. Do vậy, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nặng so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng.

Vì các lý do đã nêu, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận K; sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5].Ngoài những nội dung đã nêu, qua xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có một số sai sót, cần phải được rút kinh nghiệm, cụ thể như sau:

Bản án sơ thẩm không ghi số, ngày, tháng, năm của bản cáo trạng truy tố, tên Viện kiểm sát truy tố. Việc này là trái với quy định của pháp luật, không tuân thủ đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự

năm 2015.

Trong vụ án này, phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm không có nội dung nào liên quan đến trách nhiệm bồi thường dân sự. Tuy nhiên, tại mục 4 trong phần quyết định của bản án lại căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự và tuyên về quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án, người được thi hành án, thời hiệu thi hành án dân sự. Nội dung vừa nêu là dư thừa, gây rườm rà, khó hiểu.

[6].Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Sửa bản án hình sự số 228/2020/HS-ST ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phúc Kim A** 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2020.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND quận K; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Dương sự: (2)
- Chi Cục THA quận K; (1)
- TAND quận K; (2)
- Công an quận K; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân